

SAO Y BẢN CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



EVNTPC QUANG NINH

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH

Quảng Ninh, tháng 4 năm 2016



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH**

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ tài chính;

Điều lệ này đã được ban hành và sửa đổi, bổ sung tại các Đại hội đồng Cổ đông ngày 09/12/2002, ngày 25/04/2008, ngày 30/6/2009, ngày 22/4/2010, ngày 26/4/2011, ngày 29/6/2012, ngày 04/6/2013 và được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng Cổ đông tổ chức họp vào ngày 25/4/2016.

**CHƯƠNG I
ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH TỪ NGỮ**

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những từ, cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- a) "Hội đồng quản trị" trong Điều lệ này là Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh (sau đây viết tắt là Công ty);
- b) "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;
- c) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- d) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
- đ) "Ban quản lý Công ty" là Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành (sau đây gọi là Tổng Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc điều hành (sau đây gọi là Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng của Công ty;
- e) "Ban Tổng Giám đốc" là Tổng Giám đốc điều hành (sau đây gọi là Tổng Giám đốc) và các Phó Tổng Giám đốc điều hành (sau đây gọi là Phó Tổng Giám đốc);

g) "Cán bộ quản lý" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng và Phó các phòng ban, đơn vị và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị Công ty phê chuẩn;

h) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp;

i) "Người lao động của Công ty" là cán bộ, kỹ sư, cử nhân, công nhân, nhân viên không thuộc đối tượng quy định tại Điểm g của điều này;

k) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Khoản 6, Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

l) "Địa bàn kinh doanh" là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;

m) "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

n) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức được Công ty cấp Giấy chứng nhận cổ phiếu theo quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;

o) "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

p) "Thành viên Hội đồng quản trị độc lập" là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:

Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) của các công ty con, công ty liên kết, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát.

Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của công ty.

Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất.

Không phải là đối tác, hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu rõ nội dung, nhưng không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh;
- Tên tiếng Anh: Quang Ninh Thermal Power Company;
- Tên viết tắt: EVN TPC Quang Ninh.

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký Công ty là:

- Địa chỉ: Tổ 33, Khu 5, phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;
- Điện thoại: 033-3.657.539
- Fax : 033-3.657.540
- E-mail: vp.ndqn@gmail.com
- Website: <http://www.quangninhtpc.com>

4. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty gồm:

- a) Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh 1, Quảng Ninh 2;
- b) Bán điện năng lên hệ thống điện Quốc gia;
- c) Đào tạo, giáo dục nghề nghiệp;

d) Các ngành nghề khác khi Đại hội đồng Cổ đông xét thấy phù hợp với khả năng của Công ty và pháp luật không cấm;

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là sản xuất kinh doanh điện năng, hàng hóa từ tro, xỉ và đào tạo đội ngũ kỹ sư, công nhân vận hành, sửa chữa.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 5. Vốn điều lệ, Cổ phần, Cổ đông

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 4.500 tỷ đồng Việt Nam (Bốn ngàn năm trăm tỷ đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười ngàn) đồng.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là Cổ đông phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của người sở hữu loại cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần khác nhau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác. Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo cách đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo

những cách phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Công ty được phát hành cổ phiếu tại Công ty hoặc tại trung tâm giao dịch chứng khoán để chào bán. Việc phát hành cổ phiếu trên trung tâm giao dịch chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông Công ty được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà mình sở hữu. Nội dung của cổ phiếu thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Luật doanh nghiệp. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà Cổ đông nắm giữ, họ tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn mười lăm (15) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in Giấy chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp Giấy chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan đến cấp mới Giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu cho Công ty.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Công ty được phát hành chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác (trừ các thư chào bán hoặc các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự khác) có đóng dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần của Công ty được tự do chào bán và chuyển nhượng, trừ các trường hợp cổ phiếu của các cổ đông sáng lập đang trong giai đoạn hạn chế chuyển nhượng và phải phù hợp với các Khoản 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều này. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ thì không được chào bán, chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là Cổ đông sáng lập của Công ty;

b) Cổ phần chào bán cho tất cả các Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu (phần hoa hồng) cụ thể phải được ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận dành cho người môi giới và bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán;

4. Cổ phần đã được bán hoặc cổ phần đã được chuyển nhượng phải ghi đúng, đầy đủ thông tin về tên Cổ đông, địa chỉ và số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký cổ phần vào Sổ đăng ký Cổ đông và kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành Cổ đông của Công ty.

5. Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của Cổ đông. Trong các trường hợp:

a) Có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành, thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng, nhưng Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty;

b) Giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác, Cổ đông phải báo ngay cho Công ty và được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó. Nội dung đề nghị của Cổ đông thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp;

6. Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

7. Cổ phiếu có ghi tên của Cổ đông sáng lập chỉ được chuyển nhượng cho người khác khi được Hội đồng quản trị Công ty phê chuẩn. Sau khi chuyển nhượng cổ phần, nếu người nhận chuyển nhượng không phải là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Cổ đông sáng lập thì cổ phiếu tự động chuyển thành cổ phiếu không ghi tên. Hội đồng quản trị Công ty chỉ từ chối phê chuẩn khi việc chuyển nhượng đó không phù hợp với pháp luật và Điều lệ này.

8. Cổ phiếu của các Cổ đông khác là cổ phiếu không ghi tên, được tự do chuyển nhượng theo thoả thuận giữa hai bên và được ghi vào Sổ đăng ký Cổ đông lưu giữ tại Công ty.

9. Trong trường hợp pháp luật cho phép, Cổ đông của Công ty có quyền bán một phần hoặc toàn bộ số cổ phiếu của mình cho cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài.

Điều 9. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông

1. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình khi biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần của Cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc với giá do Hội đồng quản trị Công ty qui định trong thời gian chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá, Cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác hoặc Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp làm tư vấn xác định giá để Cổ đông lựa chọn, chi phí cho tư vấn định giá do Cổ đông đề nghị Công ty mua lại cổ phần chịu.

Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo các quy định sau đây:

1. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Công ty.

2. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả Cổ đông trong thời hạn chậm nhất là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo.

3. Hội đồng quản trị quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần phổ thông đã được chào bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

4. Hội đồng quản trị Công ty quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại.

Điều 11. Tham gia thị trường chứng khoán

1. Công ty tham gia thị trường chứng khoán khi có đầy đủ điều kiện theo qui định của pháp luật chứng khoán.

2. Trước khi làm đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền về việc tham gia thị trường chứng khoán, phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông để Đại hội thông qua những nội dung chủ yếu, những vấn đề có liên quan khác trong đơn và quyết định việc tham gia thị trường chứng khoán.

Điều 12. Sổ đăng ký Cổ đông

1. Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty được lập ngay sau khi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp.

2. Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại trụ sở Công ty dưới hình thức văn bản và tập dữ liệu điện tử. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả thành viên biết nơi lưu giữ sổ đăng ký Cổ đông.

3. Sổ đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh (mã số doanh nghiệp) của Cổ đông. Khi có các cá nhân sở hữu cổ phần, thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông;

đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày, tháng, năm đăng ký cổ phần;

Điều 13. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty có quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho Cổ đông quy định tại Điều 9, Điều 10 của Điều lệ này, nếu Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 9, Điều 10 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Nếu không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy mà gây thiệt hại cho Công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10%, thì Công ty phải thông báo cho tất

cả các chủ nợ biết trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 14. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần được xác định trên cơ sở số lợi nhuận ròng đã thực hiện (lợi ích sau thuế và nghĩa vụ tài chính khác) và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Việc chi trả cổ tức cho Cổ đông chỉ được thực hiện trong các điều kiện sau đây:

a) Sau khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Sau khi Công ty đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp các khoản lỗ trước đó;

c) Phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định;

2. Cổ tức được chi trả bằng tiền mặt và thực hiện bằng đồng tiền Việt Nam, thanh toán bằng lệnh trả tiền hoặc chuyển séc. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo cho những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần phổ thông bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

3. Chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức, Hội đồng quản trị phải lập danh sách Cổ đông và chốt danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Việc thông báo về trả cổ tức thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập Danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng nhận cổ tức từ Công ty.

5. Trường hợp Công ty trả cổ tức trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì Cổ đông phải hoàn trả số tiền, tài sản khác đã nhận cho Công ty. Nếu Cổ đông không trả được thì Hội đồng quản trị và Cổ đông đó cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản mà Cổ đông chưa hoàn trả.

Điều 15. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần được thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá tỷ lệ lãi suất bình quân do Ngân hàng Nhà nước công bố trong một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 16. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng Cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 17. Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách

nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng Cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Có quyền biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này;

c) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

đ) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến Cổ đông trong Danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng Cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;

h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

k) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;

l) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 3 Điều 30 và Khoản 2 Điều 39 Điều lệ này;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng Cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng Cổ đông;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật;

4. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị. Không được làm bất cứ điều gì gây phương hại đến tài sản, uy tín, danh dự và lợi ích của Công ty. Không được tiết lộ những vấn đề Công ty quy định phải giữ bí mật, trừ trường hợp phải tuân theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng Cổ đông.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan hiện hành.

6. Không được rút vốn đã góp, đã mua cổ phần ra khỏi Công ty với mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần mà mình sở hữu. Trường hợp để Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp, đã mua thì Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm liên đới về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị vốn cổ phần bị rút.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;

8. Bất kỳ Cổ đông nào tham gia góp vốn, mua cổ phần của Công ty mặc nhiên:

- a) Tán thành Điều lệ của Công ty.
- b) Từ bỏ mọi khiếu nại về nội dung của Điều lệ này trước bất kỳ cơ quan tài phán nào.

9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không được vượt quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa (1/2) số thành viên quy định trong Điều lệ của Công ty;
- d) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký

của các Cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một Cổ đông có liên quan;

đ) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 19 Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều lệ này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo Cổ đông, nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều lệ này Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn sáu (06) tháng trở lên có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Công ty xây dựng và công bố trên Trang thông tin điện tử của Công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty. Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 20. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- b) Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a) Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông;
- c) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- d) Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- k) Tổ chức lại và giải thể (gọi chung là thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- l) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;
- m) Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- n) Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- o) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- p) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. Cổ đông của Công ty không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 1, Điều 20 Điều lệ này khi Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông.

5. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện theo các quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC.

6. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 21. Các đại diện được ủy quyền

1. Các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp Cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp Cổ đông doanh nghiệp, tổ chức (pháp nhân) là người ủy quyền cho người đại diện theo ủy quyền của mình thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 22. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông hoặc Đại hội đồng Cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c, Khoản 4 Điều 19.

2. Người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông Công ty phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, danh sách được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chuẩn bị chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp;

3. Thông báo hoặc Giấy mời họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty (khi Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch thì công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán). Thông báo hoặc Giấy mời họp Đại hội đồng Cổ đông phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, Số và ngày cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp; ghi rõ thời gian và địa điểm họp; có tên và địa chỉ nơi cư trú của Cổ đông và phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư), được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ nơi cư trú của Cổ đông. Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được thảo luận, biểu quyết tại đại hội, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền được gửi kèm theo thông báo hoặc Giấy mời họp cho các Cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp tài liệu không được gửi kèm Giấy mời họp Đại hội đồng Cổ đông thì trong thông báo hoặc Giấy mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các Cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Khoản 3, Điều 17 có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận hoặc đưa kiến nghị, đề xuất có lợi của Cổ đông nêu tại Khoản 4 Điều này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này;

c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông bàn bạc và thông qua;

d) Các trường hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

8. Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng Cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng Cổ

đồng không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 23. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp

1. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập trên cơ sở Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty.

2. Danh sách Cổ đông dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải ghi rõ:

a) Đối với Cổ đông là cá nhân: Họ, tên, địa chỉ thường trú, Quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác;

b) Đối với cổ đông là tổ chức: Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính;

c) Số lượng cổ phần, số và ngày đăng ký Cổ đông của từng Cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin số đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin số đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Điều 24. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng Cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp quy định tại Điều 22 của Điều lệ này.

Điều 25. Thẻ thức tiên hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường.

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng Cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ toạ thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;

Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;

Chủ toạ cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ toạ cuộc họp.

5. Chủ toạ là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng Cổ đông.

6. Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.

9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng Cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b) Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng Cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 26. Biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chủ tọa và Thư ký cuộc họp;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số Cổ đông, tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề phải biểu quyết, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;

h) Các quyết định đã được thông qua;

i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký;

2. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp.

5. Nghị quyết các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải công bố trên Website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi đến tất cả các Cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

6. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng Cổ đông, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng trình tự, thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi biên bản được gửi.

7. Biên bản các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, sổ đăng ký dự họp có chữ ký dự họp của các Cổ đông (Danh sách Cổ đông đăng ký dự họp), văn bản ủy quyền dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua, các tài liệu liên quan khác gửi kèm theo thông báo mời họp, sổ ghi biên bản và các báo cáo của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát v.v... phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Trừ những người có quyền đương nhiên được xem Sổ biên bản và các tài liệu có liên quan theo quy định của pháp luật, những người khác muốn xem Sổ biên bản và những tài liệu này phải được sự đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a) Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị bằng 20% hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng Cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản).

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ đông. Hội đồng

quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Nội dung vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
- c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Các quyết định đã được thông qua;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các Cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng Cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không ít hơn năm (05) người và không nhiều quá bảy (07) người. Toàn bộ các thành viên Hội đồng quản trị thường trú tại Việt Nam. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;

c) Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (khi Công ty trở thành Công ty đại chúng quy mô lớn và Công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc các thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống;

d) Trường hợp có thành viên Hội đồng được bầu bổ xung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị;

đ) Trong thời hạn nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty có thể xem xét bãi miễn tư cách thành viên Hội đồng quản trị nếu có Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đại diện ít nhất 30% vốn Điều lệ của Công ty kiến nghị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Nếu là người không nắm giữ Cổ phần của Công ty (không phải là Cổ đông của Công ty) thì phải có đủ năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh điện;

c) Không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý;

3. Các Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50%

được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này; không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

đ) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông do vi phạm nghiêm trọng Điều lệ của Công ty hoặc có hành vi khác gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của Công ty hoặc làm thiệt hại lớn đến lợi ích của Công ty;

e) Thành viên đó bị Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đại diện ít nhất 30% vốn điều lệ của Công ty kiến nghị bãi miễn;

6. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị giảm quá một phần ba (1/3) so với tổng số quy định tại Điều lệ này thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

7. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên

Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng Cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

8. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị Công ty phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9. Thành viên Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

d) Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật;

d) Công ty đại chúng có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 31. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh và các công việc khác của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác phù hợp với ngành nghề quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định kế hoạch phát triển 05 năm trên cơ sở mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch ngân sách hàng năm của Công ty;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;

c) Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và ký hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với các cán bộ quản lý của Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương, các lợi ích khác của họ. Hội đồng quản trị là cấp ban hành các quyết định có liên quan đến cán bộ quản lý Công ty; quyết định cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu số cổ phần hoặc số vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác và quyết định mức thù lao, lợi ích khác của những người đó;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, các quy chế, quy định quản lý nội bộ Công ty; quyết định thành lập các phòng chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị đó; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác thuộc phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

đ) Quyết định phương án và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; quyết định giải pháp thị trường, tiếp thị, công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch có liên quan nêu tại Điều 42 của Điều lệ này;

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;

g) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu cán bộ quản lý của Công ty cung cấp các thông tin, hồ sơ, tài liệu về sản xuất kinh doanh, tài chính mua sắm và sử dụng vật tư, hàng hóa, nhiên liệu;

h) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

i) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

k) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền;

l) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

m) Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty;

n) Trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty báo cáo tài chính hàng năm;

p) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng, tổ chức việc chi trả cổ tức;

q) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

r) Giám sát và chỉ đạo các cán bộ quản lý của Công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b) Thành lập các phòng chức năng, phân xưởng sản xuất, Công ty con của Công ty;

c) Chức năng, nhiệm vụ các phòng chức năng, ban quản lý dự án, chi nhánh, văn phòng đại diện, phân xưởng;

d) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sát nhập, thuê mua Công ty và liên doanh);

đ) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

g) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

h) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

i) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ ...;

k) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

l) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

m) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng Cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng Cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn các quyền và trách nhiệm sau đây:

a) Chỉ đạo lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị để các thành viên thông qua;

b) Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, nội dung các tài liệu, hồ sơ phục vụ cho các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị;

c) Chỉ đạo tổ chức thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Theo dõi, kiểm tra, giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ lãnh đạo khác thực hiện nghị quyết, quyết định và các văn bản chỉ đạo, quản lý của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

5. Trường hợp Chủ tịch hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một trong các thành viên thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị. Nếu không có thành viên được ủy quyền thì các thành viên bầu một người trong số họ theo nguyên tắc đa số quá bán tạm thời thay chức Chủ tịch hội đồng quản trị.

Điều 33. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
- b) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 điều này này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Giấy mời họp hoặc Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị được tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, nhưng không được biểu quyết. Người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi Giấy mời hoặc thông báo gửi kèm theo các tài liệu sử dụng tại các cuộc họp cho các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng

quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết.

a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại Điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tұл chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 42 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số (ít nhất là trên 50% tổng số) thành viên Hội đồng quản trị có mặt tại cuộc họp hoặc biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty thuộc bên nào thì bên đó được quyền quyết định.

14. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang

ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời;

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

16. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

17. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 34. Biên bản họp và nghị quyết Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c) Thời gian và địa điểm họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - d) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - e) Tóm tắt ý kiến phát biểu của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Các quyết định đã được thông qua;
 - i) Phải có đầy đủ họ, tên, chữ ký của tất cả các thành viên đại diện theo ủy quyền tham dự họp trong nghị quyết họp Hội đồng quản trị;
- Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
2. Biên bản họp Hội đồng quản trị, nghị quyết và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo:
 - a) Bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị;
 - b) Bộ máy quản lý trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị;
2. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
3. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu tại Khoản 2 Điều này trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 36. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động, quyết định mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc; ban hành quyết định mức lương, lợi ích và điều khoản khác trong hợp đồng lao động với những cán bộ quản lý khác sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc Công ty; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Tổng Giám đốc đứng đầu Ban Tổng Giám đốc Công ty, là người điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị Công ty.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc Công ty bao gồm:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong sản xuất kinh doanh điện năng;

c) Không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của Người quản lý và Người có thẩm quyền bổ nhiệm Người quản lý của Công ty;

d) Không được đồng thời là Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác;

5. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản

trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d) Ký hợp đồng lao động với người lao động của Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, tiền lương trong sử dụng lao động tại Công ty. Thông qua Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động cần tuyển, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

đ) Vào tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

e. Phân cấp, ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc quyết định một số vấn đề, công việc thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Đề xuất những biện pháp, phương thức nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;

h). Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i). Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật;

k) Các quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật có liên quan;

6. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Trường hợp vi phạm các quy định tại Điều này trong quá trình điều hành, thực thi chức năng, nhiệm vụ được giao mà gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

7. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế.

Điều 38. Thư ký Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản, chức năng, nhiệm vụ theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ chủ yếu của Thư ký Công ty bao gồm:

a) Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

b) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty;

c) Tham dự các cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, Tổng Giám đốc chủ trì;

d) Đảm bảo các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

đ) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e) Các nhiệm vụ khác theo quyết định của Hội đồng quản trị;

3. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Thành viên ban kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là năm (05) thành viên. Các Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên và không là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Ban kiểm soát;



b) Xây dựng quy chế làm việc của ban kiểm soát trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua để ban hành và thực hiện;

c) Tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông;

d) Xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm soát định kỳ, đột xuất và tổng hợp kết quả kiểm soát định kỳ, đột xuất trình Đại hội đồng Cổ đông và thông báo cho Hội đồng quản trị biết;

đ) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát;

e) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

g) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

h) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng Cổ đông;

i) Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

k) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng tốt nhất, nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty;

l) Trường hợp thành viên ban kiểm soát vi phạm các Điểm i, k Khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới về bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên ban kiểm soát trực tiếp hay gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điểm k Khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty;

m) Trường hợp phát hiện thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong quyền hạn và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm phải chấm dứt hành vi vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả;

n) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Các Cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp;

b) Không phải là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em, ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

c) Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là Cổ đông hay người lao động của Công ty;

d) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng không được làm thành viên Ban kiểm soát.

6. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

đ) Thành viên đó không còn đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Khoản 5 Điều này;

e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;

Điều 40. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, Ban kiểm soát có những quyền hạn và trách nhiệm chủ yếu sau đây:

a) Giám sát việc quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty;

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh và trong việc tổ chức công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính;

c) Thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, tài chính hàng năm của Công ty và báo cáo quản lý của Hội đồng quản trị để thống nhất với Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông;

d) Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;

đ) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

e) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;

g) Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;

h) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

i) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;

k) Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

l) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;

m) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu liên tục trong sáu (06) tháng trên 10% cổ phần phổ thông;

n) Khi có yêu cầu của Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu liên tục trong sáu (06) tháng trên 10% tổng số cổ phần phổ thông, trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Ban kiểm soát phải thực hiện kiểm tra từng vấn đề mà Cổ đông này yêu cầu kiểm tra, ban kiểm soát phải báo cáo giải trình bằng văn bản về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra cho Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông yêu cầu;

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không được gây gián đoạn điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

p) Kiến nghị với Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty;

q) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động và báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông;

r) Không được tiết lộ bí mật của Công ty;

s) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là ba (03) thành viên ban kiểm soát.

4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

5. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG X

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 41. Trách nhiệm căn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả

những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác:

a) Không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân;

b) Đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông của Công ty;

d) Công khai lợi ích liên quan bao gồm:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ;

- Việc kê khai theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong vòng bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày sửa đổi, bổ sung tương ứng;

- Việc kê khai ở trên phải được thông báo cho Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả

các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác không được tăng lương, chi tiền thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

4. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 10% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập do Hội đồng quản trị lựa chọn cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các Cổ đông cho phép thực hiện.

6. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu hóa và bị xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

7. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu

869
TY
N
TÊN
INH
JANG

trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 30 và Khoản 2 điều 39 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách Cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở

chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của Cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, việc trả lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý của Công ty.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng Cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày mùng một (01) của tháng một (01) và kết thúc vào ngày thứ ba mươi một (31) của tháng mười hai (12) hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký

doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ ba mươi một (31) của tháng mười hai (12) ngay sau ngày, tháng, năm Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại điều 52 Điều lệ này, và trong thời hạn 150 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi Công ty trở thành Công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán khi Công ty là Công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ

làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và lập báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng Cổ đông mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII CON DẤU

Điều 53. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 54. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi Công ty đã gia hạn;
- b) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị Công ty triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để Cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;

- d) Các khoản vay (nếu có);
- đ) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, các tranh chấp còn lại đều do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát hoặc cơ quan có thẩm quyền chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

CHƯƠNG XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Bổ sung và sửa đổi điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 59 điều được Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh nhất trí thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2016 tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a) Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
b) Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c) Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Duy Hạnh

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Nam Thắng

CÔNG TY CP DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

C.TY CP DV SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC
TÀI LIỆU KIỂM SOÁT
Ngày...10...tháng...02...năm...2017



EVNNPS

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC
Sửa đổi bổ sung lần thứ 6 -2017

HẢI DƯƠNG THÁNG 1/2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ SỬA CHỮA
NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05^a/QĐ-NPS-HĐQT

Hải Dương, ngày 10 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi bổ sung lần thứ 6

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC**

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc;

Căn cứ Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty CP dịch vụ sửa chữa nhiệt điện Miền Bắc ngày 19/01/2017,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này bản “**Điều lệ Công ty cổ phần dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc**”, Sửa đổi bổ sung lần thứ 6-2017.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông(bà) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban điều hành và các cổ đông của Công ty căn cứ Quyết định thực hiện.

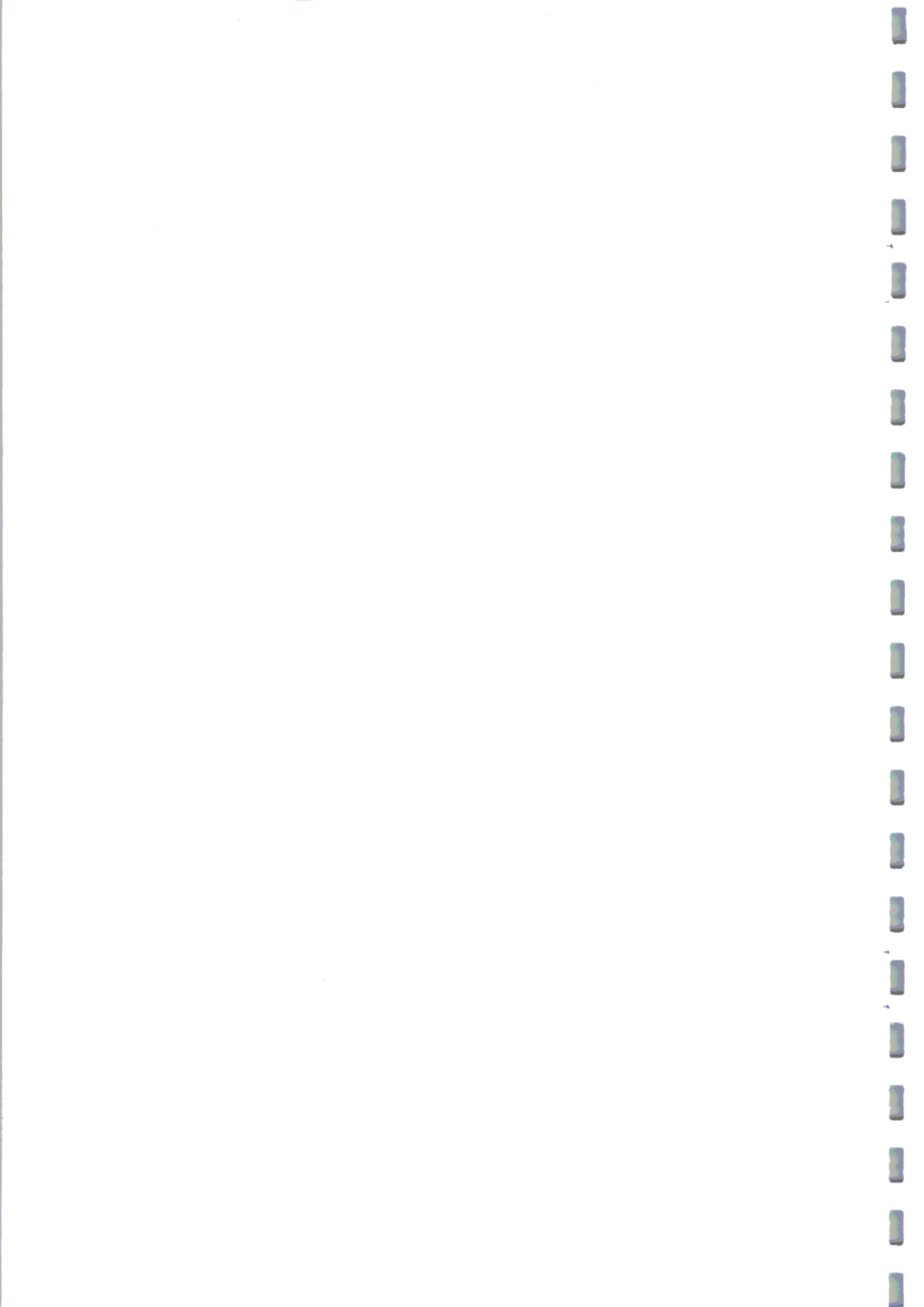
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu TH, TKHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tuấn



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc (dưới đây gọi là “Công ty”), là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty, một công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp năm 2014. Điều lệ, các quy định của công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với Pháp luật sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này đã được thông qua bởi các cổ đông sáng lập tại Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc ngày 29 tháng 06 năm 2007; gồm 20 chương; 54 điều và được bổ sung sửa đổi cho phù hợp các quy định của pháp luật và sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa:

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau sẽ có nghĩa như quy định dưới đây:

a) “**Công ty**” có nghĩa là Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc;

b) “**Hội đồng quản trị**” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty;

c) “**Địa bàn kinh doanh**” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;

d) **Cổ đông**:

- **Cổ đông** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.

- **Cổ đông sáng lập** là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần

e) “**Vốn điều lệ**” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập công ty và được ghi trong Điều lệ công ty

f) “**Luật doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật doanh nghiệp 2014



2- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

g) "**Ngày thành lập**" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

h) "**Pháp luật**" là tất cả các văn bản quy phạm Pháp luật hiện hành

i) "**Cán bộ quản lý**" có nghĩa là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các cán bộ khác được Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm là Cán bộ quản lý các đơn vị của Công ty;

j) "**Người có liên quan**" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật doanh nghiệp ;

k) "**Việt Nam**" có nghĩa là Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4. Khi được sử dụng trong Điều lệ này, tùy từng ngữ cảnh, từ "**người**" được hiểu là cá nhân hoặc cá nhân đại diện cho tổ chức.

5. Trừ khi được quy định rõ ràng khác đi trong Điều lệ này, các từ hoặc thuật ngữ được dùng trong Điều lệ này sẽ có nghĩa như được quy định trong Luật doanh nghiệp hiện hành .

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên Công ty bằng tiếng Việt là:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

-Tên của Công ty bằng tiếng Anh:

North Power Service Joint Stock Company

-Tên viết tắt của Công ty là: **NPS**

2. Công ty là một Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật Việt Nam và hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam;

3- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

3. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;

4. Trụ sở đăng ký của Công ty tại:

- Địa chỉ : Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Điện thoại: 03203 582909

- Fax:03203 582905.

5. Tổng Giám đốc công ty là người đại diện theo Pháp luật của Công ty;

6. Công ty có thể thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện hoặc các hình thức hoạt động khác tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi Pháp luật cho phép.

Công ty được phép lập kế hoạch và tham gia và tất cả các hoạt động kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh theo các quy định của pháp luật và của Công ty

7. Thời gian hoạt động của Công ty là 30 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Thời hạn hoạt động của Công ty có thể được gia hạn hoặc rút ngắn theo điều 48, điều 49 của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

8. Công ty giải thể và chấm dứt hoạt động theo pháp luật, Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III

LĨNH VỰC KINH DOANH

Điều 3. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

1. Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện, thiết bị điện, trạm phân phối điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương;

2. Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;

3. Mua bán vật tư , thiết bị phục vụ cho sản xuất công nghiệp;

4. Thiết kế, chế tạo và phục hồi các chi tiết, thiết bị, vật tư phụ tùng thay thế thuộc thiết bị các nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác;

5. Xây lắp các công trình nguồn, lưới điện và các công trình công nghiệp khác;

6. Cung ứng nhân lực và các dịch vụ đào tạo, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị các nhà máy điện;

7. Dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ;

4- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

8. Xây lắp, duy tu, sửa chữa theo từng cấp kỹ thuật hệ thống các công trình giao thông đường bộ, đường sắt, các công trình thủy lợi; thi công các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng

9. Dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm tra không phá hủy (NDT) và kiểm tra phá hủy (DT);

10. Dịch vụ đánh giá sự phù hợp theo lĩnh vực khoa học công nghệ.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.

Công ty được phép lập kế hoạch và tham gia và tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, của Điều lệ này và tiến hành tất cả các biện pháp khác có ích hoặc thích hợp để đạt được mục tiêu của công ty. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5.: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.

1. Vào ngày thông qua điều lệ này Vốn điều lệ của Công ty là: 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng).

Tổng số Vốn điều lệ được chia thành 5.000.000 cổ phần (Năm triệu cổ phần) với mệnh giá là: 10.000 đồng /cổ phần (mười nghìn đồng một cổ phần).

2. Các cổ đông Công ty góp vốn bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ, hay bằng tài sản (Vật tư, trang thiết bị, nhà xưởng, đất đai...). Cơ cấu vốn góp cụ thể được ghi tại phụ lục cổ đông sáng lập.

3. Vào ngày thông qua Điều lệ này, tất cả các cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật.

5. Công ty có thể phát hành chứng khoán các loại sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

6. Cổ đông sáng lập của Công ty là tất cả các Cổ đông tham gia góp vốn và thông qua Điều lệ của Công ty lần đầu (danh sách cổ đông sáng lập tại phụ lục kèm theo Điều lệ này).

7. Sau khi đăng ký kinh doanh số cổ phần phổ thông mới dự kiến phát hành, tùy theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, sẽ được (a) ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông

5- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

trong Công ty, và/hoặc (b) chào bán cho các nhà đầu tư bên ngoài Công ty. Trong trường hợp chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, Công ty phải thông báo việc chào bán công khai và cụ thể, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (*không ít hơn 21 ngày*) để Cổ đông đặt mua. Số cổ phần không được Cổ đông đặt mua sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho các nhà đầu tư bên ngoài Công ty theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ khi các Cổ đông chấp thuận khác đi hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Trung tâm Giao dịch chứng khoán theo quy định của Pháp luật.

8. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình theo những cách thức phù hợp với các quy định tại Điều lệ này, quy định trong Luật Doanh nghiệp và Pháp luật. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phiếu quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9. Khi có nhu cầu về vốn, theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua, Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm, trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Sổ đăng ký cổ đông và Giấy chứng nhận cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập ngay sau khi Công ty đăng ký kinh doanh.

2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

3. Mọi Cổ đông đều có quyền được cấp một Giấy chứng nhận cổ đông. Giấy chứng nhận cổ đông có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của Pháp luật, có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của Công ty và phải được đóng dấu Công ty. Giấy chứng nhận cổ đông có giá trị để xác nhận và theo dõi các Cổ đông của Công ty.

4. Mọi thay đổi do chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng và các giao dịch khác liên quan đến cổ phần và việc sở hữu cổ phần phải được ghi nhận trong Sổ chứng nhận cổ đông.

5. Những người có tên trong Sổ đăng ký cổ đông sở hữu cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một Giấy chứng nhận cổ đông trong vòng 2 tháng sau khi mua, nhận chuyển nhượng hợp lệ hoặc có quyền sở hữu cổ phần dưới hình thức khác phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

6. Cổ đông phải giữ gìn Giấy chứng nhận cổ đông cẩn thận, không làm rách nát, hư hỏng, nhòe, mờ. Cổ đông có trách nhiệm độc lập về việc bảo quản Giấy chứng nhận

6- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

cổ đông. Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những Sổ chứng nhận cổ đông này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Nếu Giấy chứng nhận cổ đông bị hỏng, bị tẩy xóa, bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì Cổ đông phải thông báo cho Công ty. Công ty sẽ xem xét cấp lại Giấy chứng nhận cổ đông mới theo yêu cầu của Cổ đông với điều kiện Cổ đông đó phải xuất trình giấy tờ chứng minh hợp lệ và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

8. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

9. Tùy từng thời kỳ, Công ty có thể thay đổi hình thức ghi nhận quyền sở hữu cổ phần của Cổ đông phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết hoặc được đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Trung tâm Giao dịch chứng khoán.

2. Trong thời hạn 3 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

Sau thời hạn 3 năm, kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

3. Trừ khi Pháp luật có quy định khác, các cổ phiếu ghi tên có thể được chuyển nhượng bằng văn bản được ký hợp lệ bởi bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng theo cách thông thường hoặc theo bất kỳ cách nào khác mà Hội đồng quản trị có thể chấp nhận, kể cả hình thức trao tay. Cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phải được chuyển nhượng qua Trung tâm Giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế của Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Trung tâm Giao dịch chứng khoán. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông.

4. Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối việc đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phiếu ghi tên nào chưa được thanh toán đầy đủ số tiền mua cổ phiếu đã cam kết.

5. Trong trường hợp một Cổ đông bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những

7- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của Cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 8. Chào bán cổ phần, trái phiếu và mua lại cổ phần, trái phiếu

1. Để đáp ứng nhu cầu SXKD và sự phát triển, Công ty có thể phát hành thêm cổ phần và chào bán cổ phần theo Điều 122; 123; 124; 125 hoặc phát hành trái phiếu theo Điều 127 và 128 Luật Doanh nghiệp và được Đại Hội cổ đông thông qua.

2. Trong từng trường hợp cụ thể Công ty sẽ mua lại cổ phần theo Điều 129; 130 và 131 Luật Doanh nghiệp theo các quy định của Pháp luật và của Công ty

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị
3. Tổng Giám đốc điều hành
4. Ban kiểm soát

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY

Điều 10. Quyền hạn của Cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu cổ phần của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, thảo luận và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội, mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội cổ đông.

c) Được chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành.



8- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông đang sở hữu.

e) Kiểm tra các thông tin liên quan đến Cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm các báo cáo của Ban kiểm soát.

f) Trong trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ.

g) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ theo trong các trường hợp quy định tại Điều 129, 130 và 131 của Luật doanh nghiệp.

h) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

3. Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên, có các quyền sau:

a). Ứng cử hoặc đề cử người để bầu vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo khoản 2 và khoản 3 Điều 22, khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Điều lệ này.

b). Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra những vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký của từng cổ đông. Tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

c) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật doanh nghiệp.

d) Có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày làm việc trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải ghi rõ họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần Cổ đông đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

e) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

f) Quyền của các Cổ đông sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại từng thời kỳ phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 11. Nghĩa vụ của Cổ đông Công ty

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Thanh toán tiền góp cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký góp theo đúng thủ tục quy định.

3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.

Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty .

5. Phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Vi phạm pháp luật.

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

d) Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm điều lệ này gây ra cho Công ty hoặc cho thành viên của Công ty.

e) Bất kỳ một cổ đông nào khi tham gia Công ty mặc nhiên tán thành Điều lệ này của Công ty.

Điều 12 . Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Khi số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong điều lệ này.

b) Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp và khoản 3 Điều 10 Điều lệ này yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (*văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan*).

c) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu thấy rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ hoặc Hội đồng quản trị có hành động hoặc ra quyết định vượt quá phạm vi quyền hạn của mình.

d) Các trường hợp khác mà Hội đồng quản trị xét thấy vì lợi ích của Công ty và thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Cách thức triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên còn lại như quy định tại điểm a hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm b hoặc điểm c khoản 3 của điều này.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo điểm a nêu trên thì trong 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo như điểm b ở trên thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm b khoản 3 của Điều này có thể triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Pháp luật.

d) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều 138 và Điều 139 của Luật doanh nghiệp.

e) Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các quyết định sau:

a) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm.

11- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

- b) Báo cáo của Ban kiểm soát.
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị.
- d) Định hướng phát triển ngắn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền thông qua các quyết định bằng nghị quyết về các vấn đề sau:

- a) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
- b) Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mỗi loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
- c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị trong giới hạn mà Pháp luật và Điều lệ Công ty cho phép.
- d) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- e) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- f) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty.
- g) Sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.
- h) Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý .
- i) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty.
- j) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- k) Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- l) Thông qua các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng theo khoản 1 và khoản 3 điều 162 Luật doanh nghiệp và điều 33 của Điều lệ này.
- m) Việc chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông sáng lập cho người không phải là Cổ đông Công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau:

- a) Các hợp đồng quy định tại mục 1 khoản 2 điều này Cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng.
- b) Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

Điều 14. Người đại diện theo uỷ quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người đại diện của mình tham dự theo quy định của

12- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

Pháp luật và Điều lệ này. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc uỷ quyền người đại diện phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp thuận (*giấy uỷ quyền*) và:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp.

b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức thì giấy uỷ quyền phải được ký bởi người đại diện theo Pháp luật của tổ chức và phải được đóng dấu của tổ chức.

3. Trường hợp văn bản chỉ định người đại diện theo uỷ quyền được một luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký thì giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của giấy uỷ quyền đó phải được (*nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty*) nộp cùng với giấy chỉ định người đại diện theo uỷ quyền. Nếu việc này không được thực hiện thì việc chỉ định người đại diện theo uỷ quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.

4. Phiếu biểu quyết của người đại diện theo uỷ quyền trong phạm vi được uỷ quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi Cổ đông chỉ định người đại diện theo uỷ quyền đó đã:

- a) Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình.
- b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định người uỷ quyền; hoặc
- c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên 48 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu.

5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 15. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp và mục b khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

13- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.

Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Nếu công ty có trang thông tin điện tử thì thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại định tại khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp và khoản 3 Điều 10 của điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 2 của Điều này trong các trường hợp sau:

a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng ;

c) Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết.

d) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả

14- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 16. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Điều lệ này.

Điều 17. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Đại hội đồng cổ đông bầu ra người chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

16- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

4. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 18. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành

4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty

5. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (Điều 148 LDN)

a). Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

b). Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

c). Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các quyết định đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười năm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8. Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành

Điều 20. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến

phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 21. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 10 của điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 22. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Số lượng và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Số thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định, số lượng là 05 thành viên, nhiệm kỳ là năm (5) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại vào kỳ Đại hội đồng cổ đông tiếp theo. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, tổng

số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba(1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông của công ty.

3. Thành viên của Hội đồng quản trị do đại diện theo uỷ quyền các cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông cụ thể như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến 20% số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tục trở lên được quyền ứng cử hoặc đề cử một(1) người để bầu vào Hội đồng quản trị.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 20% đến dưới 50% số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tục trở lên được quyền ứng cử hoặc đề cử hai (2) người để bầu vào Hội đồng quản trị.

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50 % đến dưới 70% số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tục trở lên được quyền ứng cử hoặc đề cử ba (3) người để bầu vào Hội đồng quản trị.

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 70 % số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tục trở lên được quyền ứng cử hoặc đề cử bốn(4) người để bầu vào Hội đồng quản trị.

e) Các cổ đông có quyền gộp số cổ phiếu có quyền biểu quyết lại với nhau để đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

5. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị là đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông của Công ty.

7. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Tổng Giám đốc, Phó Tổng Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị

trong Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 24. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau :

a) Không đủ tư cách là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c) Có đơn xin từ chức.

d) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

e) Không còn là cổ đông của Công ty hoặc không là Đại diện theo uỷ quyền phần vốn của Cổ đông của Công ty hoặc là Đại diện của cổ đông là tổ chức đã bị thay thế, giải thể.

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật.

3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

4. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 25. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty quy định chủ yếu bao gồm những quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

22- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

- d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
- g) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc Công ty, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó theo pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty;
- h) Giám sát Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
- i) Quyết định mô hình tổ chức hoạt động và cơ cấu tổ chức các quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện
- k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty.
- p) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- q) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
- r) Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện Công ty, thành lập Công ty con.
 - Xét đề nghị của Tổng Giám đốc công ty về việc bổ nhiệm và bãi nhiệm, cách chức các cán bộ quản lý công ty (các chức danh trưởng, phó của phòng, ban, phân xưởng, xí nghiệp) và mức lương của họ.
 - Việc vay nợ, cho vay, việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh có giá trị từ 500.000.000 đồng.
 - Các khoản bồi thường của Công ty có giá 500.000.000 đồng.
 - Các Hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ trong SXKD có giá trị từ 1.000.000.000. đồng;
 - Các hợp đồng mua bán tài sản cố định từ nguồn vốn chủ sở hữu, đầu tư trong kế hoạch được phê duyệt có giá trị từ 500.000.000 đồng.
 - Đầu tư không nằm trong Kế hoạch với giá trị vượt quá 200.000.000 đồng, các khoản đầu tư trong kế hoạch vượt quá 10% giá trị kế hoạch.

23- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

(Việc thay đổi các hạn mức quy định trên đây để phù hợp với điều kiện thực tế phải được HĐQT thông qua và đưa vào nội dung sửa đổi Điều lệ tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông kế tiếp)

- Kế hoạch đấu thầu, HSMT, kết quả xét thầu các gói thầu mua sắm, đầu tư theo quy định luật đấu thầu và của Công ty từ nguồn vốn chủ sở hữu.

- Cử người đại diện, ủy quyền đại diện sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác và quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.

s) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật doanh nghiệp;

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phải được thể hiện thành một mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm.

Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty mà theo đó gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty. Thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch HĐQT làm việc chuyên trách hoặc bán chuyên trách (kiêm nhiệm).

2. Tiêu chuẩn của Chủ tịch Hội đồng quản trị :

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định pháp luật và Luật doanh nghiệp;

b) Có kiến thức pháp luật, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty.

3. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản trị là 5 năm, có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
- b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
- c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của luật, Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thì trong thời hạn 10 ngày, Hội đồng quản trị phải họp bầu người thay thế.

Điều 27. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, xác định thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất 7 ngày làm việc. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào nếu thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 5 Cán bộ quản lý.
- b) Hai thành viên Hội đồng quản trị.
- c) Đa số thành viên Ban kiểm soát.
- d) Các trường hợp khác theo quy định của điều lệ của Công ty

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong vòng 15 ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty. Những người đề nghị tổ chức cuộc họp nêu tại khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Theo yêu cầu của tổ chức kiểm toán độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo và chương trình họp phải được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị trước ngày họp dự kiến ít nhất 5 ngày làm việc. Nếu thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp, việc không tham dự cuộc họp phải được xác nhận bằng văn bản. Thông báo cuộc họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt. Thông báo về chương trình họp, thời gian và địa điểm họp phải được gửi kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu: cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất 3/4 (*Ba phần tư*) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

9. Quyền biểu quyết:

a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

b) Một thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ Người có liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng thành viên tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c) Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 87 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. Trong trường hợp thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của mình theo quy định tại điểm b khoản này, thì vấn đề này sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của chủ tọa sẽ là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách rõ ràng và đầy đủ.

10. Tuyên bố lợi ích: một thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến sẽ ký kết với Công ty thì phải tuyên bố bản chất, nội

dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số (trên 50%) số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết có mặt hoặc biểu quyết thông qua văn bản. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu biểu quyết này phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thư ký Công ty không muộn hơn 1 giờ trước thời gian dự kiến họp.

13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a). Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.

b). Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc các hình thức khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Phê chuẩn nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản: nghị quyết được thông qua dưới hình thức gửi văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng quản trị tham gia thông qua nghị quyết.

Số lượng những thành viên tham gia thông qua nghị quyết không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Loại nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được ít nhất một thành viên Hội đồng quản trị ký.

15. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp, Biên bản và tài liệu sử dụng trong cuộc họp được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

16. Những người được mời dự họp trong cuộc họp Hội đồng quản trị mà không là thành viên Hội đồng quản trị Công ty thì không được quyền biểu quyết.

17. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều người khác ở ngoài Hội đồng quản trị nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, mọi tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra theo từng thời kỳ. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng quản trị.

18. Giá trị pháp lý của hành động: mọi hành động được thực hiện theo quyết định Hội đồng quản trị, hoặc của bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc do bất kỳ người nào với tư cách thành viên của tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có những sai sót.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của Công ty chịu trách nhiệm và dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị.

1. Công ty có 01 (một) Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của công ty do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm và một số Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm dựa trên đề xuất của Tổng Giám đốc.

2. Các chức danh cán bộ quản lý khác không quy định tại khoản 1 điều này do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được HĐQT phê duyệt (các chức danh trưởng, phó của phòng, ban, phân xưởng, xí nghiệp).

Điều 29. Người quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ có một số lượng và các chức danh Cán bộ quản lý cần thiết và thích hợp để thực hiện các công việc quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề ra theo từng thời kỳ. Cán bộ quản lý phải có năng lực và phẩm chất cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, phụ cấp, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định. Mức lương, phụ cấp, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với những cán bộ quản lý khác do Tổng Giám đốc quyết định sau khi xin ý kiến của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành.

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc và ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.

Tổng Giám đốc có thể là ủy viên HĐQT công ty hoặc là cán bộ công ty hoặc là người ngoài công ty do HĐQT lựa chọn và quyết định bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước pháp luật của Công ty.

2. Tổng Giám đốc phải có các điều kiện và tiêu chuẩn sau:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định pháp luật và Luật doanh nghiệp.

b) Có kiến thức pháp luật, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

c) Tổng Giám đốc Công ty không được đồng thời là Người tham gia điều hành của doanh nghiệp khác bất kỳ.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc điều hành có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

29- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

a) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty và các vấn đề đó không thuộc phạm vi phải được sự thông qua của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông (Quy định tại Điều 13 và Điều 24 của Điều lệ này).

b) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Đề nghị HĐQT phương án mô hình, cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động theo quy chế, quy định của công ty;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị;

j) Đề xuất để Hội đồng quản trị quyết định số lượng lao động, quyền lợi và các điều khoản khác của hợp đồng lao động đối với người lao động trong Công ty, kể cả Cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

k) Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư cho năm tài chính tiếp theo và điều chỉnh kế hoạch SXKD của công ty phù hợp với kế hoạch tài chính trung và dài hạn của Công ty trước ngày 31 tháng 10 hàng năm;

l) Đề xuất phương án cơ cấu tổ chức, các quy chế quy định quản lý nội bộ công ty và những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

m) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, thực hiện việc báo cáo khi được yêu cầu

n). Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và tuân thủ pháp luật.

4. Tổng Giám đốc điều hành phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này

mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc điều hành phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi miễn này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Điều 31. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Chủ tịch HĐQT, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc.

1. Công ty trả lương Chủ tịch HĐQT, thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

a) Lương của Chủ tịch HĐQT, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

c) Tổng Giám đốc điều hành được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng Giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng Giám đốc, các phó Tổng Giám đốc điều hành phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 32. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyên dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

5. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 33. Nghĩa vụ và trách nhiệm của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối.

2. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và Cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

3. Công ty sẽ bồi thường cho những người quản lý Công ty nếu như người đó đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi kiện của Công ty) nếu:

a) Người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty.

b) Người đó đã hành động trên cơ sở tuân thủ Pháp luật.

c) Người đó đã hành động đúng nhiệm vụ và quyền hạn phù hợp với Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty; và

d) Không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả chi phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong

khuôn khổ Pháp luật cho phép. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

4. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc điều hành không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

Điều 34. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và những người có liên quan của họ

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát do các Cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của các Cổ đông, nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong

33- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

vòng từ 6 tháng liên tiếp trở lên được quyền ứng cử hoặc đề cử người để bầu vào Ban kiểm soát. Các Cổ đông có quyền gộp số phiếu có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên Ban kiểm soát. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết nằm trong khoảng từ 10% đến dưới 30% thì được quyền đề cử 1 người; nếu từ 30% đến dưới 50% thì được đề cử 2 người; nếu từ 50% đến 70% thì được đề cử 3 người để bầu vào Ban kiểm soát.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát của Công ty:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

c) Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông, đại diện cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

3. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát; Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty; Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Trưởng Ban kiểm soát có quyền và trách nhiệm sau:

a). Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát.

b). Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan phục vụ hoạt động của Ban kiểm soát.

c). Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

c) Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

d) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp.

e) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

f) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

g) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 160 của Luật này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

h) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

i) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

k) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời, chính xác thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát được cung cấp thông tin theo Điều 166 Luật doanh nghiệp

6. Mức thù lao cho thành viên Ban kiểm soát không vượt quá mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, tổng mức thù lao cho Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ

đồng quyết định. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tổng số tiền thù lao cho Ban kiểm soát và số tiền mà mỗi thành viên nhận được phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

7. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được họp ít hơn 2 lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 2 người.

8. Các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu có nhiệm kỳ là 5 năm và có thể được bầu lại vào kỳ họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo. Khi bầu thành viên Ban kiểm soát, Công ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất 1/3 (một phần ba) số thành viên Ban kiểm soát phải được bầu mới hoặc bầu lại vào mỗi kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

9. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát.

b) Gửi đơn xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.

c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự

d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng 06 tháng mà không có sự cho phép của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.

e) Bị bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

g) Là thành viên đại diện thuộc một tổ chức bị thay thế hoặc mất quyền đại diện cho tổ chức đó.

10. Các thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm Bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa chỉ, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và điều lệ của Công ty.

e) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các mục a, b, c và d khoản này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại mục c khoản này đều thuộc sở hữu của công ty.

11. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

CHƯƠNG X

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 36. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 10 của điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người đại diện theo uỷ quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty, danh sách các Cổ đông, các biên bản của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền hoặc bản sao công chứng giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và Cán bộ quản lý có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông, sổ sách và những hồ sơ khác của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình vì lợi ích của Công ty và phải có trách nhiệm bảo mật những thông tin này.

3. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:

a) Điều lệ Công ty và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Sổ đăng ký cổ đông.

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm.

c) Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty.

d) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định và nghị quyết đã được thông qua.

e) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.

f) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính.

g) Các tài liệu khác theo quy định của Pháp luật.

Công ty phải lưu giữ các tài liệu trên ở trụ sở chính hoặc ở nơi khác nhưng phải thông báo cho Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của Pháp luật.

h) Cổ đông được Công ty cấp một bản điều lệ công ty miễn phí. Nếu công ty có website thì Điều lệ này được công bố trên website đó.

CHƯƠNG XI PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 37. Cổ tức

1. Mức chia cổ tức hàng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị và phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty trả cổ tức cho cổ đông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể phải chi trả liên quan tới cổ phần.

5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

6. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới cổ phần nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì Cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới cổ phần có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng mà Cổ đông đó không nhận được. Ngoài những hình thức nêu trên, Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định những hình thức khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

7. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (*Ngày khóa sổ*) làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, cổ phần, thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ có thể cùng ngày hoặc vào bất cứ ngày nào trước khi việc nhận các quyền lợi trên được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng đến quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phần hoặc chứng khoán liên quan.

8. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

9. Trường hợp việc trả cổ tức trái với quy định trên thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 38. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.

Các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật và theo quy chế của Công ty.

CHƯƠNG XII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CÁC QUỸ CỦA CÔNG TY, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 39. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một hoặc nhiều ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Tùy theo nhu cầu hoạt động kinh doanh, sau khi được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu Pháp luật yêu cầu), Công ty có thể mở tài khoản tại ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật nếu cần thiết.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 40. Các quỹ của Công ty

1. Hàng năm, Công ty phải trích lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi số dư Quỹ bằng 10% Vốn điều lệ của Công ty.

2. Việc trích lập và sử dụng các quỹ khác của Công ty (Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển,..) do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 41. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 trong cùng năm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 42. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam(VAS) hoặc bất kỳ hệ thống kế toán nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XIII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 43. Báo cáo tài chính

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính quý và báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp luật. Báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tới các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

2. Báo cáo tài chính của Công ty bao gồm: (a) Bảng cân đối kế toán, (b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, (c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và (d) Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo quy định của Nhà nước và phải phản ánh trung thực, khách quan tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và đầu tư của Công ty tại thời điểm lập báo cáo.

3. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các Cổ đông và đưa lên Website.

Điều 44. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Báo cáo tài chính năm và các tài liệu khác sẽ được công bố theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XIV

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 45. Kiểm toán công ty

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo. Hội đồng quản trị quyết định chọn tổ chức kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên.

2. Công ty phải lập báo cáo tài chính, cung cấp các tài liệu cần thiết cho tổ chức kiểm toán độc lập được chỉ định thực hiện hoạt động kiểm toán khi kết thúc năm tài chính.

3. Tổ chức kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và lập báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm và gửi tới Hội đồng quản trị trong vòng 2 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty có thể được mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và trong trường hợp đó, được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các Cổ

đồng được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XV

CON DẤU

Điều 46. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của công ty. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:

- a) Tên Công ty;
- b) Mã số doanh nghiệp của Công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và của Công ty.

3. Trước khi sử dụng, Công ty phải thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.

CHƯƠNG XVI

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 47. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- a) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- b) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn.
- c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty.
- d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 48. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp;

b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Điều 49. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 50. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm 3 thành viên. Trong đó, phải có 1 thành viên thuộc 1 tổ chức kiểm toán độc lập. Các thành viên còn lại có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý.

b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm xã hội cho công nhân viên.

c) Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước.

d) Các khoản vay (nếu có).

e) Các khoản nợ khác của Công ty.

f) Số tiền còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm a đến c khoản này sẽ được phân chia cho các Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần sở hữu. Các Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi cổ tức được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa:

a) Một Cổ đông hay một nhóm Cổ đông với Công ty; hoặc

b) Một Cổ đông hay một nhóm Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Cán bộ quản lý, thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải, kể cả thông qua trung gian hoà giải theo nguyên tắc sau:

-Nếu tranh chấp không liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các nội dung liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

-Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu một bên thứ ba độc lập, phải là luật sư hoặc tổ chức luật sư được phép hành nghề làm trung gian hoà giải.

2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 6 tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận thì bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan giải quyết tranh chấp có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của Pháp luật.

3. Mỗi bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tại cơ quan có thẩm quyền sẽ theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XVIII

SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XIX

**HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ
CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC**

Điều 53. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác.

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật.

3. Tổng Giám đốc tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, phụ cấp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, xây dựng cơ chế tuyển dụng, đào tạo, khen thưởng, phúc lợi, kỷ luật ... đối với người lao động, đảm bảo mối quan hệ hài hòa giữa Công ty với các tổ chức đoàn thể.

CHƯƠNG XX

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 20 Chương 55 Điều, được sửa đổi bổ sung lần thứ 6 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường(Hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) ngày 19/01/2017 của Công ty và có hiệu lực kể từ khi ký và ban hành

Điều 55. Chữ ký của các cổ đông sáng lập

TT	Tên cổ đông	Chữ ký của cổ đông /Đại diện cổ đông
1	Tập đoàn điện lực Việt Nam	1.Nguyễn Hữu Hằng: (đã ký) 2.Nguyễn Tường Tấn:(đã ký)
2	Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại	-Nguyễn Khắc Sơn:(đã ký)
3	Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng	-Trần Hữu Nam:(đã ký)
4	Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh	-Nguyễn Văn Dũng:(đã ký)
5	Công ty cổ phần Cơ khí điện lực	-Nguyễn Văn Tiến:(đã ký)
6	Công ty cổ phần chế tạo thiết bị điện	-Trần Văn Quang:(đã ký)
	Công ty cổ phần LILAMA 69-1	-Hà Văn Mỹ:(đã ký)

45- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

7		
8	Công ty nhiệt điện Uông Bí	-Phùng Văn Sinh:(đã ký)
9	Công ty nhiệt điện Ninh Bình	-Đỗ Hoàn Khôi:(đã ký)

Phụ lục
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Địa chỉ trụ sở	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Vốn góp				Thời điểm góp vốn	Chữ ký của người đại diện phần vốn góp của cổ đông sáng lập
								Tổng số cổ phần		Loại cổ phần: phổ thông			
								Số lượng cổ phần	Giá trị (Tỷ đồng)	Số lượng cổ phần	Giá trị (Tỷ đồng)		
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)		Việt Nam			Số 18 đường Trần Nguyên Hãn-Quận Hoàn Kiếm- TP Hà Nội	0106000804 Số kê hoạch đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 21/11/2006	1.750.000	17,5	1.750.000	17,5	- Sau 15 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 70% - Sau 90 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 30%	(Đã ký) Nguyễn Hữu Hằng (Đã ký) Nguyễn Tường Tấn
2	Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PLPC)		Việt Nam			Thị trấn Phả Lại-Chi Linh - Hải Dương	0403000380 Số kê hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương cấp 24/05/2007	750.000	7,5	750.000	7,5	- Sau 15 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 70% - Sau 90 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 30%	(Đã ký) Nguyễn Khắc Sơn
3	Công ty Nhiệt điện Ưông Bí		Việt Nam			Thị xã Ưông Bí - Tỉnh Quảng Ninh	2206000008 Số kê hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp 5/01/2007	500.000	5	500.000	5	- Sau 15 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 70% - Sau 90 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 30%	(Đã ký) Phùng Văn Sinh
4	Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng		Việt Nam			Xã Tam Hưng- Huyện Thủy Nguyên- TP Hải Phòng	0203000279 Số kê hoạch đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 27/4/2006	500.000	5	500.000	5	- Sau 15 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 70% - Sau 90 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 30%	(Đã ký) Trần Hữu Nam

47- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

5	Công ty Nhiệt điện Ninh Bình	Việt Nam		Đường Hoàng Diệu-Phường Thanh Bình-Thị xã Ninh Bình-Tỉnh Ninh Bình	09-06-000.004 Sơ kế hoạch đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp ngày 05/01/2007	250.000	2,5	Của pháp nhân	250.000	2,5	- Sau 15 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 70% - Sau 90 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 30%	(Đã ký) Đỗ Hoàng Khôi
6	Công ty CP chế tạo thiết bị điện	Việt Nam		Thị trấn Đông Anh-Huyện Đông Anh- Thành phố Hà Nội	0103008085 Sơ kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12/01/2007	250.000	2,5	Của pháp nhân	250.000	2,5	- Sau 15 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 70% - Sau 90 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 30%	(Đã ký) Trần Văn Quang
7	Công ty CP Cơ khí điện lực	Việt Nam		Số 150 đường Hà Huy Tập-Thị trấn Yên Viên-Huyện Gia Lâm-TP Hà Nội	0103007120 Sơ kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7/4/2006	250.000	2,5	Của pháp nhân	250.000	2,5	- Sau 15 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 70% - Sau 90 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 30%	(Đã ký) Nguyễn Văn Tiến
8	Công ty CP LILAMA 69-1	Việt Nam		Số 17 đường Lý Thái Tô-Phường Suối Hoa-TP Bắc Ninh-Tỉnh Bắc Ninh	21.03.000.149 Sơ kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 11/01/2006	250.000	2,5	Của pháp nhân	250.000	2,5	- Sau 15 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 70% - Sau 90 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 30%	(Đã ký) Hà Văn Mỹ
9	Công ty Cp nhiệt điện Quảng Ninh	Việt Nam		Tổ 33 khu 5 - Phường Hà Khánh- TP Hạ Long- Tỉnh Quảng Ninh	2203000081 Sơ kế hoạch đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 17/01/2007	500.000	5	Của pháp nhân	500.000	5	- Sau 15 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 70% - Sau 90 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 30%	(Đã ký) Nguyễn Văn Dũng

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hằng

MỤC LỤC

Mục	Nội dung	Trang
PHẦN MỞ ĐẦU	ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA MIỀN BẮC	1
CHƯƠNG I	ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1.	Định nghĩa	1
CHƯƠNG II	TÊN HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
Điều 2.	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	2
CHƯƠNG III	LĨNH VỰC KINH DOANH	3
Điều 3.	Lĩnh vực kinh doanh	3
Điều 4	Phạm vi kinh doanh và hoạt động	4
CHƯƠNG IV	VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	4
Điều 5.	Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập	4
Điều 6.	Số đăng ký cổ đông và Giấy chứng nhận cổ đông	5
Điều 7.	Chuyển nhượng cổ phần	6
Điều 8.	Chào bán cổ phần, trái phiếu, mua lại cổ phần trái phiếu	7
CHƯƠNG V	CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY	7
Điều 9.	Cơ cấu tổ chức của Công ty	7
CHƯƠNG VI	CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 10	Quyền hạn của Cổ đông công ty	7
Điều 11	Nghĩa vụ của Cổ đông công ty	9
Điều 12	Đại hội cổ đông công ty	9
Điều 13	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 14.	Người đại diện theo uỷ quyền	12
Điều 15	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 17	Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 18	Điều kiện đề nghị quyết thông qua	16
Điều 19	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21	Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 22	Hiệu lực các nghị quyết đại hội đồng cổ đông	19
CHƯƠNG VII	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 23	Số lượng và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 24	Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	21

49- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

Điều 25	Hội đồng quản trị	21
Điều 26	Chủ tịch Hội đồng quản trị	23
Điều 27	Cuộc họp Hội đồng quản trị	24
CHƯƠNG VIII	GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ, QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CTY	28
Điều 28	Tổ chức bộ máy quản lý	28
Điều 29	Người quản lý	28
Điều 30	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	28
Điều 31	Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	30
Điều 32	Thư ký Công ty	30
Điều 33	Nghĩa vụ và trách nhiệm của người quản lý Công ty	31
Điều 34	Hợp đồng giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.	32
CHƯƠNG IX	BAN KIỂM SOÁT	33
Điều 35	Ban kiểm soát	33
CHƯƠNG X	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	36
Điều 36	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	36
CHƯƠNG XI	PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	37
Điều 37	Cổ tức	37
Điều 38	Các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận	39
CHƯƠNG XII	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CÁC QUỸ CỦA CÔNG TY, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	39
Điều 39	Tài khoản ngân hàng	39
Điều 40	Các quỹ của công ty	39
Điều 41	Năm tài chính	39
Điều 42	Hệ thống kế toán	39
CHƯƠNG XIII	BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	40
Điều 43	Báo cáo tài chính	40
Điều 44	Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	40
CHƯƠNG XIV	KIỂM TOÁN CÔNG TY	40
Điều 45	Kiểm toán công ty	40
CHƯƠNG XV	CON DẤU	41
Điều 46	Con dấu	41
CHƯƠNG XVI	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	41
Điều 47	Chấm dứt hoạt động	41
Điều 48	Quyền khởi kiện đối với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	42
Điều 49	Gia hạn hoạt động	42
Điều 50	Thanh lý	42
CHƯƠNG XVII	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	43
Điều 51	Giải quyết tranh chấp nội bộ	43

50- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

CHƯƠNG XVIII	SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	43
Điều 52	Bổ sung và sửa đổi điều lệ	43
CHƯƠNG XIX	HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC	44
Điều 53	Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác	44
CHƯƠNG XX	NGÀY HIỆU LỰC	44
Điều 54	Ngày hiệu lực	44
Điều 55	Chữ ký của các Cổ đông sáng lập	44
	DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	46
	MỤC LỤC	48

51- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc

